

PHẦN I: TIẾNG VIỆT
I. CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI.

Câu 1:

Thế nào là phương châm về lượng? Cho ví dụ?

Trả lời:

Khi giao tiếp cần nói cho có nội dung, nội dung của lời nói cần phải đáp ứng đúng yêu cầu của cuộc giao tiếp, không thiếu và không thừa.

Ví dụ:

Trên đường đi học, gặp Nam, Tuấn hỏi:

Bạn học bơi ở đâu mà giỏi thế?

Tớ học bơi ở hồ bơi “Tuổi trẻ”.

Câu 2:

Thế nào là phương châm về chất? Cho ví dụ?

Trả lời:

Khi giao tiếp, ta đừng nói những điều mà mình không tin là đúng hay không có bằng cứ xác thực.

Ví dụ:

- Nam hỏi Tuấn:

Bạn có biết nhà thầy chủ nhiệm ở đâu không?

- Tuấn đáp:

Hình như ở hướng Vĩnh Long.

Câu 3:

Thế nào là phương châm quan hệ? Cho ví dụ?

Trả lời:

Khi giao tiếp, cần nói đúng về nội dung giao tiếp tránh nói lạc đề.

Ví dụ:

- Ông nói gà, bà nói vịt.

- Nam hỏi Hải:

Bạn thấy đội bóng Bình Dương đá như thế nào?

Tớ thấy họ mặc đồng phục rất đẹp.

Câu 4:

Thế nào là phương châm cách thức? Cho ví dụ?

Trả lời:

Khi giao tiếp, cần chú ý nói ngắn gọn, rành mạch, tránh nói mơ hồ.

Ví dụ:

- Gặp Lan trên đường tôi hỏi:

Lớp bạn hôm nay có mấy tiết học?

- Lan đáp:

Lớp tớ hôm nay học 5 tiết.

Câu 5:

Thế nào là phương châm lịch sự? Cho ví dụ?

Trả lời:

Khi giao tiếp, cần tế nhị và tôn trọng người khác.

Ví dụ:

Sáng thứ bảy, Ông tôi hỏi tôi:

Hôm nay, con có phải đi học không?

Dạ, có ạ!

II. KHỞI NGŨ.

Khởi ngữ là gì? Cho ví dụ?

Trả lời:

Khởi ngữ là thành câu đứng trước chủ ngữ để nêu lên đề tài được nói đến trong câu.

Trước khởi ngữ thường có thêm các từ: còn, về, đối với,...

Ví dụ:

Đối với tôi, việc học là quan trọng nhất.

III. CÁC THÀNH PHẦN BIỆT LẬP.

Câu 1:

Thế nào là thành phần tình thái? Cho ví dụ.

Trả lời:

Thành phần tình thái được dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu.

Ví dụ:

Chắc là, hôm nay, trời sẽ mưa to.

Câu 2:

Thành phần cảm thán là gì? Cho ví dụ.

Trả lời:

Thành phần cảm thán được dùng để bộc lộ tâm lý của người nói: vui, buồn,...

Ví dụ:

☠ **Lưu ý:**

Các thành phần tình thái, cảm thán là những bộ phận không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa, sự việc của câu nên được gọi là “thành phần biệt lập”.

Câu 3:

Thế nào là thành phần gọi đáp? Cho ví dụ.

Trả lời:

Thành phần gọi đáp được dùng để tạo lập hoặc duy trì quan hệ giao tiếp?

Ví dụ:

Nam ơi, hôm nay, Cháu có đến trường không?

Dạ thưa không, hôm nay, Cháu được nghỉ.

Câu 4:

Thành phần phụ chú là gì? Vị trí của nó? Cho ví dụ.

Trả lời:

Thành phần phụ chú được dùng để bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu.

Thành phần phụ chú thường được đặt giữa hai dấu gạch ngang, hai dấu phẩy, hai dấu ngoặc đơn, hoặc giữa một dấu gạch ngang với một dấu phẩy, có khi nó còn được đặt sau dấu hai chấm.

Ví dụ:

Hồ Chí Minh (Bác Hồ) là vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam.

IV. LIÊN KẾT CÂU VÀ LIÊN KẾT ĐOẠN VĂN.

Câu 1:

Về nội dung.

Trả lời:

Các đoạn văn phải phục vụ chủ đề chung của văn bản, các câu phải phục vụ chủ đề của đoạn văn (liên kết chủ đề)

Các câu và các đoạn văn phải được sắp xếp theo một trình tự hợp lý (liên kết lô_gíc)

Câu 2:

Về hình thức.

Trả lời:

Các câu và các đoạn văn có thể liên kết với nhau bằng một số biện pháp như sau:

Phép lặp từ ngữ.

Phép đồng nghĩa, trái nghĩa, liên tưởng.

Phép thế.

Phép nối.

V. NGHĨA TƯỜNG MINH VÀ HÀM Ý.

Câu 1:

Nghĩa tường minh là gì? Cho ví dụ.

Trả lời:

Nghĩa tường minh là phần thông báo được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu.

Ví dụ:

Nam nói với Tuấn:

Ngày mai, cậu đi đá bóng với tớ nhé!

Rất tiếc là mình không thể đi được vì mình bận sửa lại mái nhà. (Nam đáp)

Câu 2:

Nghĩa hàm ý là gì? Cho ví dụ.

Trả lời:

Nghĩa hàm ý là phần thông báo tuy không được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu nhưng có thể suy ra từ những từ ngữ ấy.

Ví dụ:

- Nam gọi Tuấn:

Tuấn ơi, đi đá bóng.

- Tuấn đáp:

Mình bận giúp Bố sửa lại cái bếp.

Câu 3:

Muốn sử dụng tốt hàm ý, ta cần phải lưu ý điều gì?

Trả lời:

Để sử dụng tốt hàm ý, cần có hai điều kiện sau:

Người nói (viết) có ý thức đưa hàm ý vào câu nói.

Người nghe (đọc) có năng lực giải đoán hàm ý.

PHẦN II: VĂN BẢN

BÀI 1: CHÓ SÓI VÀ CỪU TRONG THƠ NGŨ NGÔN CỦA LA PHÔNG_TEN

H. Ten

1. Hình tượng con cừu.

Đó là một con cừu cụ thể: hiền lành, nhút nhát, chẳng bao giờ làm hại ai và không thể làm hại ai.

Con cừu có những hành động, suy nghĩ và nói năng như con người.

2. Hình tượng chó sói.

Đây là một con chó sói cụ thể: đói, gầy.

Muốn ăn thịt cừu nên tìm cách bắt tội cừu. Nó cũng được nhân cách hóa như con người.

Bản chất: sẵn mồi, ăn tươi nuốt sống những con yếu hơn nó.

BÀI 2: MÙA XUÂN NHO NHỎ

Thanh Hải

1. Tác giả, tác phẩm.

Thanh Hải tên thật là Phan Bá Ngoãn (1930-1980) quê ở Phong Điền - Thừa Thiên Huế. Ông hoạt động trong những năm kháng chiến chống Pháp và Mỹ.

Bài thơ được viết vào tháng 11/1980 khi tác giả còn nằm trên giường bệnh. Bài thơ thể hiện tình yêu mến thiết tha cuộc sống, đất nước và ước nguyện của tác giả.

2. Mùa xuân của thiên nhiên, đất trời.

Mùa xuân của thiên nhiên được phát họa bằng những hình ảnh đẹp: không gian cao rộng, màu sắc tươi thắm, âm thanh tươi vui. (dẫn chứng)

Tác giả say sưa, ngây ngất trước cảnh trời đất vào xuân, ở đây có sự chuyển đổi của cảm giác. (dẫn chứng)

3. Mùa xuân của đất nước.

Hình ảnh người cầm súng, người ra đồng => chiến đấu, lao động xây dựng đất nước. Mùa xuân đến mọi nơi trên đất nước (dẫn chứng)

Mùa xuân còn được cảm nhận qua nhịp hồi hả, âm thanh xôn xao và được hình dung bằng một hình thức so sánh thật đẹp (dẫn chứng)

4. Tâm niệm của nhà thơ.

Khát vọng sống có ích, hòa nhập vào cuộc sống của đất nước, cống hiến một phần tốt đẹp dù nhỏ bé của mình cho cuộc đời chung, cho đất nước (dẫn chứng)

Tác giả đã đề cập đến vấn đề lớn của nhân sinh quan cách mạng (dẫn chứng)

5. Nghệ thuật của bài thơ.

Viết theo thể thơ năm chữ, gần với các điệu dân ca miền trung.

Giàu ý nghĩa biểu trưng, khái quát, hình ảnh thực.

Câu từ chặt chẽ, giọng điệu phù hợp nội dung từng khổ thơ.

BÀI 3: VIẾNG LĂNG BÁC

Viễn Phương

1. Tác giả, tác phẩm.

Viễn Phương tên thật là Phan Thanh Viễn (1928-2005) quê ở An Giang. Ông hoạt động văn nghệ trong thời kỳ chống pháp và Mỹ. Ông là một trong những cây bút có mặt sớm nhất trong lực lượng văn nghệ giải phóng miền Nam thời chống Mỹ.

Bài thơ được viết vào tháng 4/1976, được trích từ tập thơ “Nhuỵ mùa xuân” (1978). Bài thơ thể hiện tâm trạng và cảm xúc của Viễn Phương khi cùng đoàn người ra viếng Bác.

2. Cảm xúc bao trùm bài thơ.

Niềm xúc động thiêng liêng, thành kính, lòng biết ơn và tự hào pha lẫn nỗi xót đau khi người từ miền Nam ra viếng Bác.

3. Tâm trạng và cảm xúc của tác giả.

a. Khổ 1

Tâm trạng của một người từ chiến trường miền Nam sao bao năm mong mỏi nay mới được ra viếng Bác.

Tại đây, người bắt gặp hình ảnh quen thuộc của Làng quê, con người Việt Nam: kiên cường, bất khuất, dẻo dai. Đó là cây tre.(dẫn chứng)

b. Khổ 2.

Hình ảnh thực và ẩn dụ (mặt trời) sóng đôi nhau vừa nói lên sự vĩ đại của Bác vừa thể hiện sự tôn kính của nhân dân, của người đối với Bác.(dẫn chứng)

c. Khổ 3.

Khung cảnh và không khí trong Lăng rất thanh tịnh. Hình ảnh vàng trắng gợi nhớ đến tâm hồn cao đẹp, trong sáng của Bác và những Vầng thơ tràn đầy ánh trắng của Bác. (dẫn chứng)

Bác còn sống mãi với non sông, đất nước như trời còn xanh mãi. Người đã hóa thành thiên nhiên, đất nước, dân tộc. Dù vẫn tin như thế nhưng tác giả vẫn đau xót vì sự ra đi của Bác. Nỗi đau xót được nhà thơ thể hiện rất cụ thể trực tiếp => ẩn dụ sâu xa. (dẫn chứng)

d. Khổ 4.

Tâm trạng lưu luyến muốn ở mãi bên Lăng Bác, muốn hóa thân hòa nhập vào những cảnh vật bên trong Lăng Bác, canh giấc ngủ cho Bác (dẫn chứng) => điệp ngữ “muốn làm”

Hình ảnh “cây tre” tạo cho bài thơ có kết cấu “đầu cuối tương ứng”

☠ Tóm lại.

Qua 4 khổ thơ khá cô đọng nhà thơ đã thể hiện được những niềm xúc động tràn đầy và lớn lao trong lòng khi viếng Lăng Bác, những tình cảm thành kính sâu sắc với Bác.

4 Nghệ thuật bài thơ.

Giọng điệu vừa trang nghiêm, sâu sắc vừa tha thiết, đau xót, tự hào. Nhịp thơ linh hoạt.

Hình ảnh thực, ẩn dụ biểu tượng.

BÀI 4: SANG THU

Hữu Thỉnh

1. Tác giả, tác phẩm.

Hữu Thỉnh tên thật là Nguyễn Hữu Thỉnh, sinh 1942. Quê ở Huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. 1963 ông gia nhập quân đội là cán bộ văn hóa, tuyên huấn trong quân đội và bắt đầu sáng tác thơ. Từ năm 2000, Hữu Thỉnh là tổng thư ký Hội nhà văn Việt Nam.

Bài thơ trích từ tập thơ “ Từ chiến hào đến thành phố” của Hữu Thỉnh 1991. Bài thơ thể hiện những cảm nhận của người khi trời đất sang thu.

2. Cảm nhận của người khi trời đất sang thu.

Nhà thơ chợt nhận ra tín hiệu chuyển mùa đã đến qua hương ổi chín, ngọn gió se lạnh. Những điều đó làm cho nhà thơ ngỡ ngàng, buâng khuâng (dẫn chứng)

3. Cảm nhận của tgiả trước những biến chuyển trong không gian lúc sang thu.

Biến chuyển trong không gian lúc sang thu được Hữu Thỉnh cảm nhận qua nhiều yếu tố, nhiều giác` quan và sự rung động thgật tinh tế.(dẫn chứng)

Sự cảm nhận của nhà thơ còn được thể hiện trong những từ ngữ thể hiện cảm giác, trạng thái: bỗng, thả vào, chùng chình, hình như, dềnh dàng, vắt nửa mình.

Nét riêng của thời điểm giao mùa từ Hạ sang Thu, được tgiả thể hiện đặc sắc nhất qua hai câu thơ cuối của bài thơ.(dẫn chứng)

BÀI 5:NÓI VỚI CON

Y Phương

1. Tác giả, tác phẩm.

Y Phương tên thật là Hứa Vĩnh Sước, dân tộc Tày, sinh 1948. Quê ở Tùng Khánh, Cao Bằng, ông phục vụ trong quân đội từ 1968-1980.

Từ 1993, ông là chủ tịch Hội văn học nghệ thuật Cao Bằng.

Bài thơ sáng tác 1980 và được trích từ tập “ Thơ Việt Nam 1945-1985” bài thơ thể hiện tình yêu thương con người, yêu quê hương và những đức tính cao đẹp của dân tộc Tày.

2. Con lớn lên trong tình yêu thương của cha mẹ, sự đùm bọc của quê hương.

Không khí gia đình đầm ấm, quấn quýt, từng bước đi, tiếng cười của con đều được cha mẹ vui mừng, đón nhận (dẫn chứng)

Con được trưởng thành trong cuộc sống lao động, trong thiên nhiên thơ mộng và nghĩa tình của quê hương (dẫn chứng)

3. Những đức tính cao đẹp của người Tày.

Sống vất vả mà mạnh mẽ, bền bỉ, gắn bó với quê hương, yêu quê hương (dẫn chứng)

Sống mộc mạc nhưng giàu chí khí, niềm tin xây dựng quê hương với những truyền thống tốt đẹp (dẫn chứng)

4. Lời của người cha nhắc nhở con mình.

Sống có nghĩa tình, chung thủy với quê hương. Biết chấp nhận và vượt qua gian nan thử thách bằng ý chí và niềm tin (dẫn chứng)

tự hào với truyền thống quê hương, tự tin mà vững bước trên đường đời. (dẫn chứng)

5. Tình cảm của người cha đối với quê hương, đối với con.

Yêu thương, triều mến, thiết tha tin tưởng.

Tự hào về sức sống mạnh mẽ, bền bỉ, về truyền thống cao đẹp của quê hương, niềm tự tin bước vào đời (dẫn chứng)

6. Nghệ thuật.

Giọng điệu thiết tha, trùu mến.

Hình ảnh cụ thể, giàu chất thơ.

Bố cục chặt chẽ.

BÀI 6: BẾN QUÊ (TRÍCH)

Nguyễn Minh Châu

1. Tác giả, tác phẩm.

Nguyễn Minh Châu (1930-1989) quê ở huyện Huỳnh Lư, tỉnh Nghệ An.

1950 ông gia nhập quân đội và trở thành nhà văn.

Ông là cây bút tiêu biểu của nền văn học thời chống Mỹ.

Sau 1975 những sáng tác của ông đã góp phần đổi mới văn học nước nhà từ những năm 80 của thế kỷ XX đến nay.

Năm 2000, ông được nhà nước truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật.

Đoạn trích được trích từ tác phẩm cùng tên của Nguyễn Minh Châu xuất bản 1985.

Đoạn trích thể hiện những cảm xúc và suy nghĩ của Nhĩ trong những ngày cuối đời ở quê hương.

2. Tình huống truyện.

Nhĩ làm thủy thủ, đi hầu hết các nơi trên trái đất. Rồi anh bị bệnh nằm liệt giường hàng năm trời. Nhờ đó mà anh thấy và cảm nhận được vẻ đẹp của quê hương (Bến quê)

3. Tóm tắt phần trích

SGK

4. Những cảm xúc và suy nghĩ của Nhĩ.

Nhĩ cảm nhận được vẻ đẹp của quê hương trong một buổi sáng đầu thu khi được nhìn từ khung cửa sổ nhà anh. (dẫn chứng)

Nhĩ nhận ra được tình yêu thương, sự tàn tảo và đức tính hy sinh thầm lặng của vợ anh (dẫn chứng)

Nhĩ nhận ra rằng: con người trên cuộc đời thật khó tránh được những điều vòng vèo hoặc chùng chình. Anh không trách con trai vì nó có thấy gì đáng hấp dẫn ở bên kia sông đâu.

Hành động của Nhĩ ở phần cuối đoạn trích có ý nghĩa là : thức tỉnh mọi người đang sa đà trên đường đời, dứt bỏ nó mà hướng tới những giá trị thực.

5. Những hình ảnh chi tiết mang ý nghĩa biểu tượng.

Hình ảnh bãi bồi, bến sông và cảnh thiên nhiên trong văn bản.

Hình ảnh đứa con sa vào trò chơi phá cờ thế bên lề đường.

Hành động của Nhĩ và cử chỉ của Nhĩ cuối văn bản.

☠ Tóm lại.

Nhĩ là nhân vật tư tưởng.

BÀI 7: NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI (Trích)

Lê Minh Khuê

1. Tác giả, tác phẩm.

Lê Minh Khuê sinh 1949, quê ở Tỉnh Gia, Thanh Hóa. Bà bắt đầu sáng tác trong thời kỳ chống Mỹ và là cây bút nữ chuyên về truyện ngắn.

Tác phẩm của bà chuyên viết về truyện ngắn, chiến đấu của thế hệ trẻ trên tuyến đường Trường Sơn.

Sau 1975, những tác phẩm của bà đều bám sát những chuyển biến của đời sống xã hội và con người trên tinh thần đổi mới.

Truyện được viết trong thời kỳ chống Mỹ (1971) và được trích trong tập “truyện ngắn” của Lê minh Khuê.

Đoạn trích kể về cuộc sống chiến đấu của 3 nữ thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn (Nho, Thao, Phương Định)

2. Tóm tắt đoạn trích.

SGK

3. Những nét chung và riêng của 3 cô gái.

*** Điểm chung:**

- Hoàn cảnh sống và chiến đấu

- Có tinh thần trách nhiệm cao, dũng cảm không sợ hy sinh, tình đồng đội gắn bó. Dễ cảm xúc.

*** Điểm riêng:**

- Thao: cương quyết , táo bạo, sợ máu và vắt.
- Nho: Dịu dàng, thích thêu thùa.
- Phương Định: hồn nhiên, vô tư, nhạy cảm, hay mơ mộng, thích hát.

4. Những nét tính cách tâm lý của Phương Định.

Có một thời học sinh hồn nhiên, vô tư, nhạy cảm hay mơ mộng và thích hát.

Yêu thương đồng đội và những chiến sĩ trên tuyến đường Trường Sơn.

Nhạy cảm và quan tâm đến hình thức của mình.

Tâm lý của Phương Định trong lần phá bom được miêu tả cụ thể, tinh tế đến từng cảm giác, ý nghĩ cho dù chỉ thoáng qua trong giây lát (dẫn chứng)

=> Tác giả đã phát họa và miêu tả được đời sống nội tâm với những nét tâm lý cụ thể của nhân vật.

BÀI 8: BỐ CỦA XI-MÔNG (Trích)

G-Đơ Mô-Pa-Xăng

1. Tác giả, tác phẩm.

Guy đơ Mô-Pa-Xăng (1850-1893) là nhà văn Pháp chuyên viết truyện ngắn.

Những tác phẩm của ông đều phản ánh sâu sắc nhiều phương diện của xã hội của Pháp nửa thế kỷ XIX.

Văn bản được trích trong tác phẩm cùng tên của Guy đơ Mô-Pa-Xăng.

Phần trích kể lại nỗi đau của Xi-Mông và chị BLăng- Sốt. Cùng với việc làm, hành động nhân hậu của anh thợ rèn Phi-Líp.

2. Nỗi đau của mẹ con Xi-Mông

a. Nỗi đau của Xi-Mông.

Xi-Mông đau khổ vì không có bố và thường bị bạn bè trêu chọc. Xi-Mông định nhảy xuống sông cho chết đuối.

b. Chị BLăng-Sốt.

Là một phụ nữ đẹp, đức hạnh, bị lừa dối tình cảm khiến cho Xi-Mông trở thành đứa con không có bố.

Bản chất của chị: Sống nghiêm túc, đúng đắn.

Chị rất đau đớn khi chứng kiến nỗi đau của con (dẫn chứng) => chị rất thương con.

3. Nhân vật Phi-líp.

Là thợ rèn, cao lớn, nhân hậu.

Phi-Líp định bụng sẽ bỏ rơi với chị BLăng-sốt gặp Xi-Mông ở bờ sông. Nhưng khi gặp chị thì ý nghĩ đó không còn nữa và anh nhận ra chị là người tốt. (dẫn chứng)

Cuối cùng thì anh nhận làm bố của Xi-Mông => anh đã vượt lên chính mình và đem lại hạnh phúc cho Xi-Mông.

4. Tóm tắt phần trích

SGK

BÀI 9: CON CHÓ BẮC (Trích Tiếng gọi nơi hoang dã)

Giắc Lân-đơn

1. Tác giả, tác phẩm.

Giắc lân-đơn (1876-1916) là nhà văn Mỹ. Ông đã trải qua thời thơ ấu vất vả và sớm tiếp cận tư tưởng của chủ nghĩa xã hội.

Văn bản được trích trong “Tiếng gọi nơi hoang dã” (1903) sau khi lân-đơn theo những người đi tìm vàng đến vùng Clân-đai-cơ ở Canada trở về.

Phần trích miêu tả những biểu hiện tình cảm của con chó Bắc đối với Thoóc-ton và của Thoóc-ton đối với con chó Bắc.

2. Tình cảm của Thoóc-ton đối với con chó Bắc

Thoóc-ton đối xử với con chó Bắc bằng một tình cảm rất đặc biệt (dẫn chứng) => Thoóc-ton là người tốt, có tình yêu thương loài vật sâu sắc.

3. Tình cảm của con chó Bắc đối với Thoóc-ton.

Nằm phục dưới chân chủ hàng giờ, ngược mắt nhìn chủ.

Nằm ra xa, theo dõi, quan sát từng động tác của chủ.

Bám gót chủ, không dám rời xa một bước.

Ban đêm, nó không ngủ mà đến mép lều lắng nghe tiếng thở đều đều của chủ.

💀 Tóm lại.

Tác giả có những nhận xét tinh tế, tỉ mỉ, thấu hiểu sâu xa thế giới tâm hồn của con chó Bắc.

4. Tóm tắt phần trích

SGK

BÀI 10: RÔ-BIN-XƠN NGOÀI ĐẢO HOANG

(Trích Rô-Bin-Xơn Cru-Xô)

Đ.Đi-Phô.

1. Tác giả, tác phẩm.

Đe-Ni-Ôn Đì-Phô (1660-1731) là nhà văn lớn của nước Anh thế kỷ XVIII.

Gần 60 tuổi ông mới bắt đầu sáng tác.

Văn bản được trích từ tiểu thuyết “Rô-Bin-Xơn Cru-Xô” được viết dưới hình thức tự truyện (1719)

Đoạn trích kể lại chuyện lúc Rô-Bin-Xơn một mình ngoài hoang đảo khoảng 15 năm.

2. Diện mạo và cuộc sống của Rô-Bin-Xơn ngoài hoang đảo.

a. Diện mạo.

Rô-Bin-Xơn chỉ đặc tả về bộ ria mép của mình => Rô-bin-Xơn chỉ có thể kể lại những gì mà mình nhìn thấy được. Vì trên đảo không có đủ vật dụng như trên đất liền (đảo hoang)(dẫn chứng)

b. Cuộc sống.

Rô-Bin-Xơn sống một mình ngoài hoang đảo khoảng 15 năm.

Trang phục làm bằng da dê buộc túm lại.

Ông còn trồng lúa mì, nuôi dê, dựng lều, rào giậu để phòng thú dữ.

💀 Tóm lại.

Rô-Bin-Xơn đã trải qua cuộc sống khó khăn, thiếu thốn, gian khổ ngoài đảo hoang.

3. Tinh thần của Rô-Bin-Xơn ngoài đảo hoang.

Luôn lạc quan, hài hước (dẫn chứng)

Không sợ khó khăn, vất vả mà luôn phấn đấu để cuộc sống ngày càng tốt hơn.

4. Tóm tắt phần trích.

SGK

PHẦN III. TẬP LÀM VĂN

BÀI 1: NGHỊ LUẬN VỀ MỘT SỰ VIỆC, HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG.

1. Khái niệm.

Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống là bàn về một sự việc, hiện tượng có ý nghĩa đối với xã hội: đáng khen, đáng chê hay có vấn đề đáng suy nghĩ.

2. Yêu cầu.

Nội dung.

Phải nêu được sự việc, hiện tượng có vấn đề: phân tích mặt đúng, sai, lợi hại của nó; chỉ ra nguyên nhân và bày tỏ thái độ, ý kiến nhận định của người viết. Hình thức bài viết phải có bố cục mạch lạc; có luận điểm rõ ràng; luận cứ xác thực, phép lập luận phù hợp; lời văn chính xác, sống động.

3. Cách làm bài.

Muốn làm tốt bài nghị luận này, ta cần phải tìm hiểu kỹ đề bài, phân tích sự việc, hiện tượng để tìm ý lập dàn bài, viết bài và sửa chữa sau khi viết, viết bài và sửa chữa sau khi viết.

4. Dàn bài chung.

a. Mở bài.

Giới thiệu sự việc, hiện tượng có vấn đề.

b. Thân bài.

Liên hệ thực tế, phân tích các mặt, đánh giá, nhận định.

c. Kết bài.

Kết luận, khẳng định, phủ định, lời khuyên (bài học nếu có)

🔪 Lưu ý.

Bài làm cần lựa chọn góc độ riêng để phân tích, nhận định, đưa ra ý kiến có suy nghĩ và cảm thụ riêng của người viết.

BÀI 2: NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TƯ TƯỞNG, ĐẠO LÝ.

1. Khái niệm.

Nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lý là bàn về một vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng, đạo lý, lối sống của con người.

2. Yêu cầu.

a. Nội dung

Nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lý bằng cách giải thích, chứng minh, so sánh, đối chiếu, phân tích,... để chỉ ra chỗ đúng, sai của một tư tưởng nào đó nhằm khẳng định tư tưởng của người viết.

b. Về hình thức.

Bài viết phải có bố cục ba phần: mở bài, thân bài và kết bài.

Có luận điểm đúng, sáng tỏ.

Lời văn chính xác sinh động.

3. Cách làm bài.

a. Muốn làm bài nghị luận này, ngoài các yêu cầu chung đối với một bài văn, cần chú ý vận dụng các phép lập luận giải thích, chứng minh, phân tích, tổng hợp.

b. Dàn bài chung.

- Mở bài.

Giới thiệu vấn đề tư tưởng, đạo lý cần bàn luận,